

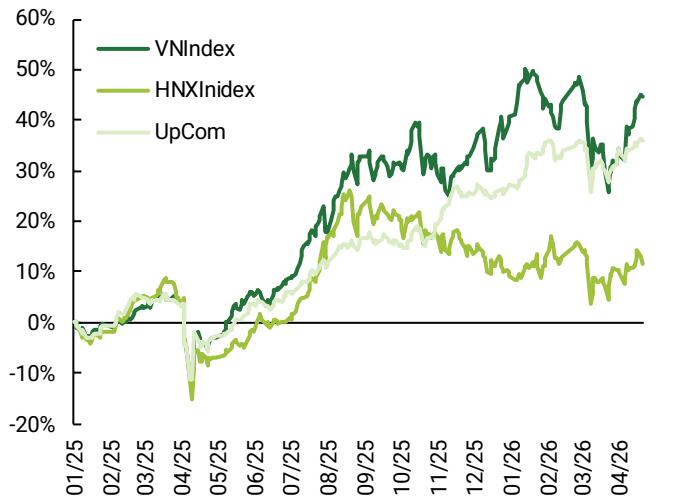
VN-Index **1833.48 (-0.20%)**
 958 Tr. cổ phiếu 25387.5 Tỷ VND (16.34%)

HNX-Index **253.27 (-1.58%)**
 69 Tr. cổ phiếu 1245.3 Tỷ VND (46.77%)

UPCOM-Index **129.23 (-0.20%)**
 49 Tr. cổ phiếu 821.7 Tỷ VND (59.30%)

VN30F1M **1998.00 (0.01%)**
 209,685 HD OI: 34,769 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1833.5, giảm -3.6 điểm (-0.20%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Chỉ số khởi sắc đầu phiên nhờ lực kéo của các mã vốn hóa lớn, song không tạo được lan tỏa. Đà tăng từ đó cũng thu hẹp và áp lực bán chi phối mạnh hơn vào phiên chiều. Bên cạnh đó, diễn biến vòng đàm phán thứ hai giữa Mỹ và Iran chưa có tín hiệu rõ ràng càng làm cho tâm lý thị trường thêm thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+1.4%), SJS (+3.0%), NVL (+3.2%). Diễn biến yếu trong phiên: Ngân hàng: OCB (-2.5%), VAB (-1.9%), VPB (-1.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-2.1%), GEX (-1.6%), VTP (-1.6%) | Công nghệ: FPT (-2.3%), CMG (-1.9%) | Bán lẻ: PNJ (-2.7%), MWG (-2.0%), DGW (-1.1%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, STB, LPB, VHM, NVL - Chiều giảm | VCB, VPB, FPT, VPL, MWG
 Khối ngoại Bán ròng hơn 370 tỷ đồng, tập trung nhiều ở FPT, VCB, MSB, trong khi mua ròng HPG, MSN, EIB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên trong sắc đỏ dù đầu phiên khởi sắc. Thanh khoản gia tăng hàm ý lực cung chủ động. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường tiếp tục thu hẹp khi phần trăm số cổ phiếu trên MA20 ngày đã giảm về gần mức trung bình. Với việc mức lan tỏa kém và dấu hiệu chững lại tại cản 1850, động lượng đang phát tín hiệu suy yếu và cần được củng cố. Chỉ số khả năng hạ nhiệt kiểm định thêm vùng 1800 điểm, với trạng thái rung lắc, giằng co sẽ tiếp tục chi phối trong các phiên tới.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số hình thành mẫu hình nến giảm Marubozu với thanh khoản tăng cao, hàm ý lực cung chủ động. Vận động cũng đang lùi về khu vực hỗ trợ 250 – 254, phản ứng giằng co kiểm định cung cầu khả năng tiếp diễn.
- **Chiến lược:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ, tránh mua thêm binh quân khi giá giảm. Mặt bằng cổ phiếu đang trở về kiểm định nền giá ngắn hạn, chỉ nên xem xét gia tăng tỷ trọng khi có tín hiệu phục hồi kèm thanh khoản xác nhận. Ngược lại, trong trường hợp xuất hiện dấu hiệu sập gãy hỗ trợ, cần chủ động hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Các nhóm ngành đáng chú ý gồm: Ngân hàng, Tiêu dùng, Chứng khoán, Đầu tư công và Bất động sản.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi MSN (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,833.5 ▼	-0.2%	3.3%	11.3%	25,387.5 ▲	16.3%	8.1%	-18.5%	957.7 ▲	27.2%	7.6%	-0.5%
HNX-Index	253.3 ▼	-1.6%	0.3%	4.0%	1,245.3 ▲	46.8%	-0.9%	-15.9%	68.7 ▲	44.2%	-1.1%	-15.9%
UPCOM-Index	129.2 ▼	-0.2%	1.0%	4.4%	821.7 ▲	59.3%	-24.1%	-5.9%	48.6 ▲	44.2%	-34.3%	-22.0%
VN30	2,007.1 ▼	-0.1%	3.1%	11.6%	14,046.5 ▲	11.2%	10.6%	-17.2%	367.0 ▲	19.0%	-6.2%	-11.5%
VNMID	2,228.9 ▼	-0.8%	-1.3%	5.5%	9,140.3 ▲	17.3%	1.7%	-6.2%	401.1 ▲	29.5%	-1.0%	-1.8%
VNSML	1,412.2 ▼	-0.5%	-1.1%	1.5%	1,300.5 ▲	57.2%	15.3%	-10.6%	84.3 ▲	46.6%	16.0%	7.1%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	635.5 ▼	-0.2%	0.73%	5.5%	5,983.0 ▲	10.61%	-2.8%	-2.2%	233.5 ▲	1.4%	-15.9%	-11.9%
Bất động sản	924.8 ▬	0.8%	15.5%	36.0%	5,004.2 ▲	10.4%	-7.3%	21.1%	157.2 ▲	63.7%	12.3%	6.4%
Dịch vụ tài chính	315.3 ▼	-1.4%	-0.9%	5.8%	3,517.9 ▲	1.9%	-3.4%	6.6%	154.3 ▲	3.8%	-2.1%	4.9%
Công nghiệp	274.8 ▼	-0.9%	-0.9%	9.2%	1,051.8 ▬	0.7%	2.7%	-12.8%	29.8 ▲	30.0%	10.0%	-7.9%
Tài nguyên cơ bản	557.8 ▬	0.2%	2.4%	9.3%	3,291.4 ▲	236.0%	168.0%	194.5%	125.4 ▲	207.2%	141.2%	167.0%
Xây dựng - Vật Liệu	178.8 ▼	-1.4%	-0.6%	4.3%	1,158.0 ▲	19.7%	-18.7%	-19.4%	58.3 ▲	30.5%	-12.3%	-15.3%
Thực phẩm	507.6 ▼	-0.6%	-7.3%	-29.4%	1,578.4 ▲	32.1%	0.3%	27.6%	36.0 ▲	31.6%	-3.7%	20.6%
Bán Lẻ	1,583.2 ▼	-1.5%	5.6%	8.4%	972.2 ▼	-5.1%	10.1%	19.4%	13.0 ▲	4.3%	10.9%	17.1%
Công nghệ	405.9 ▼	-2.2%	1.1%	2.8%	648.5 ▲	15.3%	-18.9%	-1.8%	9.1 ▼	-17.0%	-22.6%	-6.3%
Hóa chất	180.6 ▼	-0.8%	0.1%	5.2%	446.9 ▼	-11.2%	-31.6%	-42.3%	12.4 ▼	-2.5%	-30.2%	-40.5%
Tiện ích	753.3 ▼	-0.7%	-1.0%	-2.2%	372.4 ▲	4.1%	-4.0%	-32.4%	15.0 ▲	11.3%	-14.9%	-34.8%
Dầu khí	106.8 ▼	-0.3%	-4.0%	-6.4%	418.7 ▲	11.2%	-23.2%	-39.7%	14.2 ▲	12.2%	-22.0%	-37.3%
Dược phẩm	426.9 ▼	-0.7%	0.0%	-1.7%	31.5 ▼	-34.2%	-39.4%	-38.3%	1.4 ▼	-23.0%	-23.9%	-20.2%
Bảo hiểm	111.0 ▼	-1.3%	-3.1%	-3.7%	37.1 ▼	-12.8%	-41.1%	-51.9%	1.0 ▬	0.0%	-22.4%	-41.6%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,833.5 ▼	-0.20%	2.7%	17.0x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,484 ➡	0.11%	17.8%	16.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	7,559 ▼	-0.46%	-12.6%	17.8x	2.0x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,648 ➡	0.83%	2.8%	16.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,019 ➡	0.04%	-0.6%	9.3x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,085 ➡	0.07%	2.9%	17.4x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,487 ➡	0.48%	3.3%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	59,349 ➡	0.89%	17.9%	22.9x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,109 ▼	-0.24%	3.9%	27.8x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	49,443 ▼	-0.01%	2.9%	24.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,626 ➡	0.16%	7.0%	16.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,013 ➡	0.52%	3.8%	17.5x	2.5x
DXY		98.3 ➡	0.16%	-0.1%		
USDVND		26,327 ▼	-0.019%	0.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

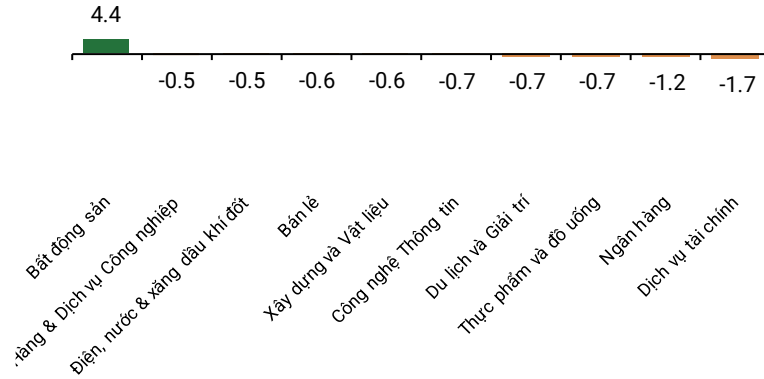
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.9%	-15.6%	55.6%	42.9%
Dầu WTI	▼	-1.6%	-10.3%	53.6%	39.8%
Khí gas	▼	-0.6%	-13.7%	-27.5%	-11.4%
Than cốc (*)	➡	0.0%	7.2%	3.5%	9.6%
Thép HRC (*)	➡	0.8%	2.0%	2.6%	1.9%
PVC (*)	➡	0.1%	-14.2%	11.1%	1.8%
Phân Urea (*)	➡	0.0%	27.8%	108.6%	120.8%
Cao su thiên nhiên	➡	0.7%	9.2%	14.9%	22.2%
Bông Cotton	▼	-0.3%	14.9%	20.4%	17.6%
Đường	▼	-0.6%	-14.7%	-10.8%	-24.8%
World Container Index	➡	0.0%	3.4%	1.5%	2.5%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.7%	-1.9%	120.4%	152.3%
Vàng	▼	-0.83%	6.4%	10.7%	39.6%
Bạc	▼	-1.29%	15.8%	9.8%	140.7%

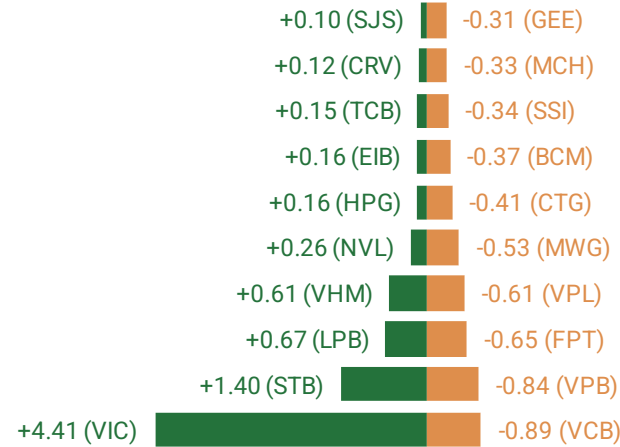
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

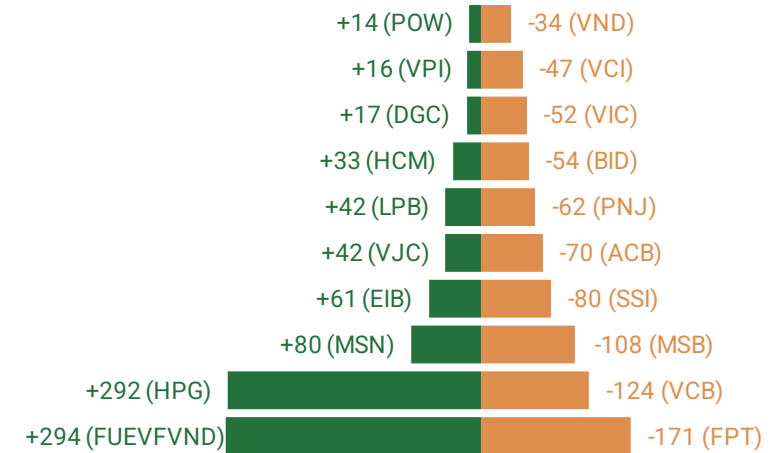


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

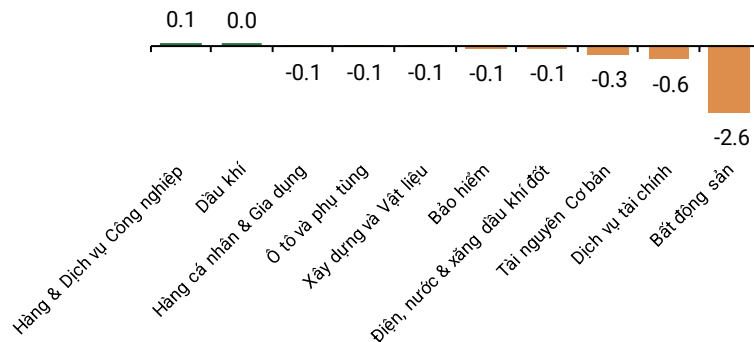


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

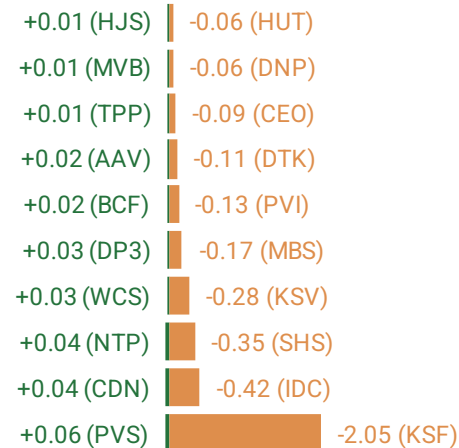
TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



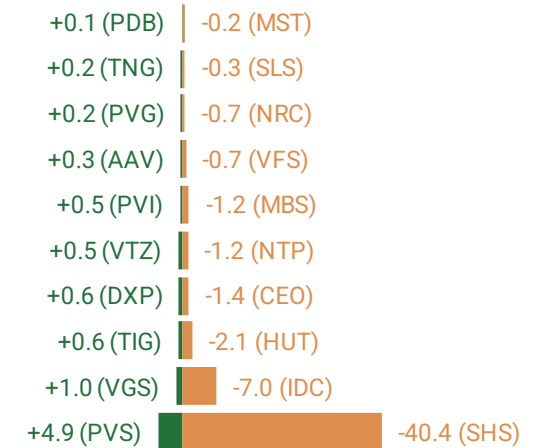
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	HPG	STB	NVL	VHM	SHB
%DoD	0.4%	5.5%	3.2%	0.5%	-1.0%
Giá trị	2,895	965	869	795	745

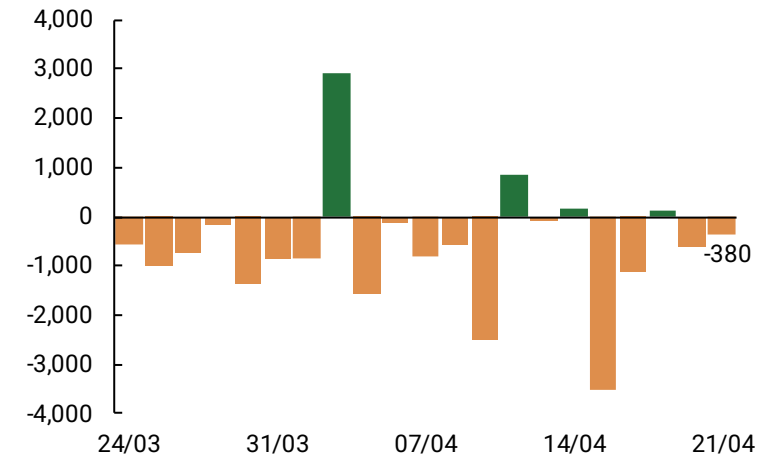
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HCM	VIC	HDB	MSB	SSB
%DoD	-2.3%	1.4%	-0.7%	0.0%	-0.3%
Giá trị	506	500	288	171	154

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



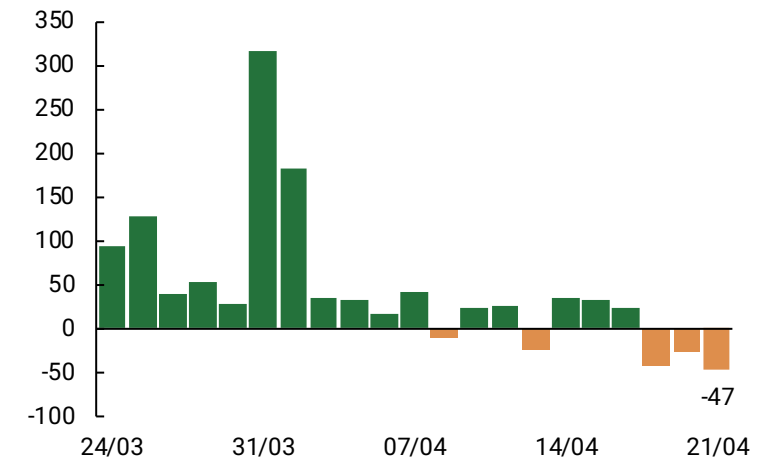
	SHS	CEO	IDC	PVS	MBS
%DoD	-3.9%	-1.7%	-4.1%	0.5%	-1.5%
Giá trị	382	155	133	126	65

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	TIG	VFS	TNG	DVM
%DoD	-0.6%	1.5%	0.0%	-3.5%	2.4%
Giá trị	14	11	4	2	1

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến giảm thân dài tại cản, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1760 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số đảo chiều khi tiếp cận kháng cự 1850 điểm cùng thanh khoản gia tăng, hàm ý lực cung chủ động. Đà tăng vẫn bị chi phối bởi các trụ lớn nên rủi ro điều chỉnh gia tăng khi các mã này mất đà. Bên cạnh chỉ báo RSI cũng gần tiếp cận mức quá mua cao. Chỉ số khả năng hạ nhiệt kiểm định thêm vùng 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến giảm thân dài tại cản, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1950 | 1900.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2070.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong xu hướng điều chỉnh.

Kịch bản: Nỗ lực đi lên gặp trở ngại khi đà lan tỏa kém. Thanh khoản tăng hàm ý cung bán chiếm ưu thế trên vùng cao. Chỉ số khả năng hạ nhiệt kiểm định thêm vùng tâm lý 2000 điểm. Trong trường hợp độ rộng không được cải thiện, rủi ro điều chỉnh về khu vực 1950 - 1960 điểm sẽ gia tăng.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	MSN	WATCH	Current price	79.00	P/E (x)	29.2
Exchange	HOSE		Watch zone	77.5 - 78	P/B (x)	3.2
Sector	Food Products		Target price	86	EPS	2709.7
			Cut loss price	74	ROE	12.5%
				Stock Rating	BB	
				Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA50 và MA20 ngày.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và vượt lên miền dương, cùng với RSI cũng giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh và có thể quay lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá điều chỉnh về hỗ trợ 77.5 – 78.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Theo dõi	22/04/2026	79.00	77.5 - 78	-	86	10.54%	74	-4.88%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NLG	Mua	01/04/2026	-	28.15	28.5 - 29	-2.1%	32	11.30%	26.8	-6.78%	
2	SIP	Mua	09/04/2026	-	60.1	60.5 - 61	-1.1%	68	11.93%	57	-6.17%	
3	VIB	Mua	09/04/2026	-	17.2	17.1 - 17.3	0.3%	18.7	9.04%	16.3	-4.96%	
4	HPG	Mua	14/04/2026	-	28.55	27.6 - 27.8	3.1%	31	11.91%	26	-6.14%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1998, tăng 0.1 điểm (+0.01%). Thanh khoản tăng so với phiên trước. Giá khởi sắc ngay khi mở cửa nhưng áp lực điều chỉnh đã chi phối mạnh hơn vào phiên chiều, khiến đà tăng trong phiên bị phủ định hoàn toàn.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, giá hình thành nến giảm Marubozu, cùng chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Dù vậy, khu vực quanh 1995 – 2000 cũng đang là vùng hỗ trợ, vị thế Short chỉ nên cân nhắc khi giá xác nhận phá vỡ dưới ngưỡng 1994. Vị thế Long cân nhắc khi giá phục hồi và củng cố trên ngưỡng 2005.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1918.1, tăng 5.7 điểm (+0.3%). Độ lệch basis 7.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 37 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1910 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1930 điểm.

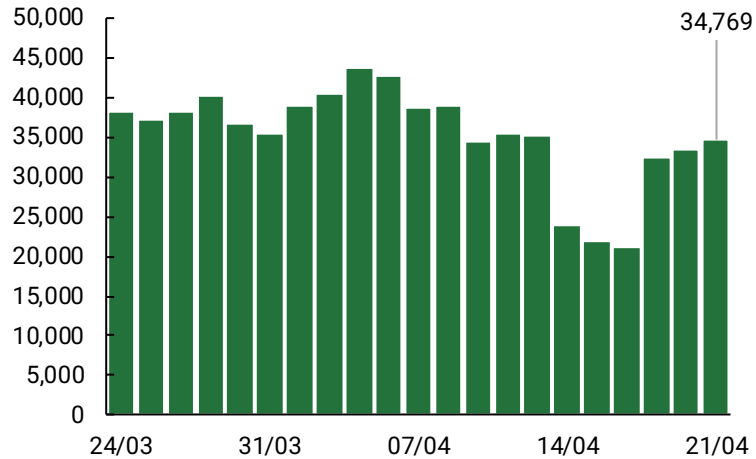
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2005	2019	1996	14 : 9
Short	< 1994	1982	2002	12 : 8

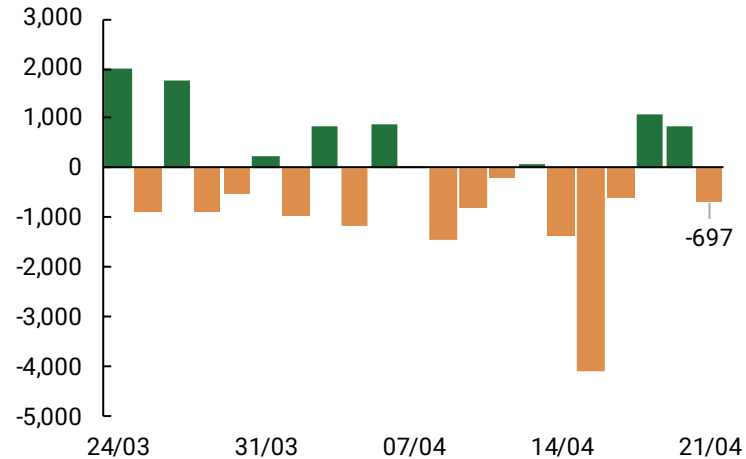
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	1,997.9	4.0	5	10	2,027.1	-29.2	17/12/2026	240
4111G9000	1,994.5	0.2	50	318	2,019.5	-25.0	17/09/2026	149
4111G6000	2,000.0	3.9	336	1,392	2,011.9	-11.9	18/06/2026	58
4111G5000	1,998.0	0.1	209,685	34,769	2,009.6	-11.6	21/05/2026	30
4112G5000	1,918.1	5.7	37	23	1,928.2	-10.1	21/05/2026	30

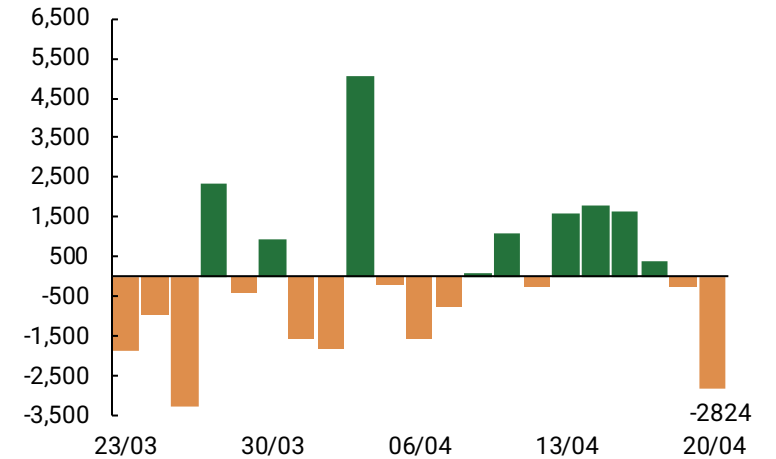
Khối lượng mở (Open interest)



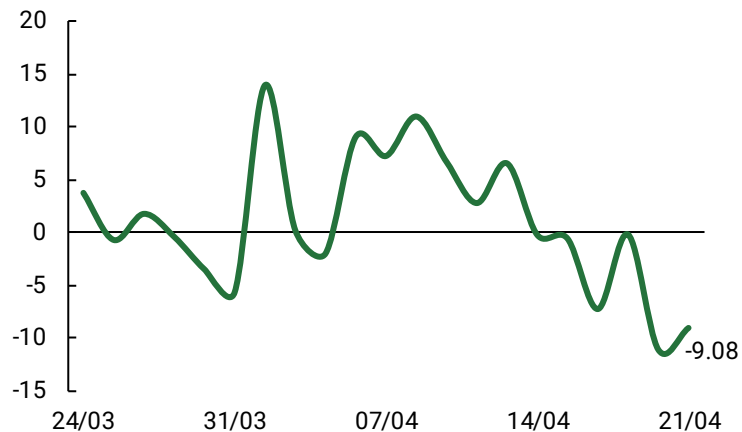
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



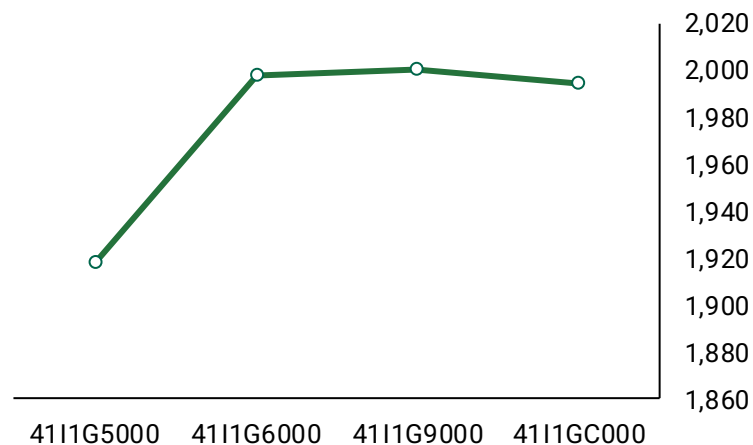
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



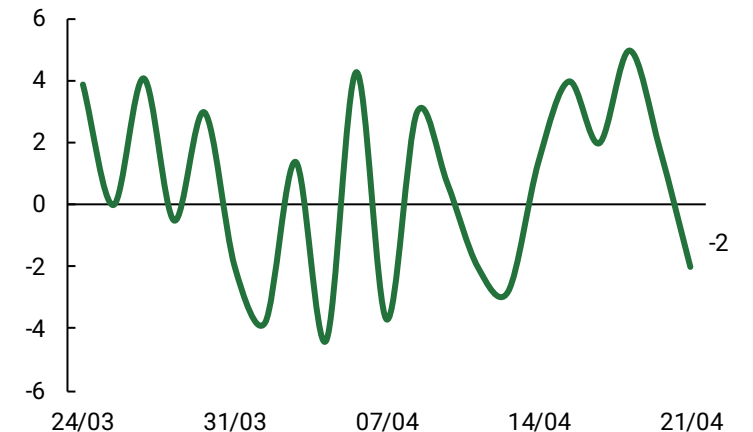
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



THÔNG TIN VĨ MÔ

- 01/04 Vietnam & US - Chỉ số PMI
- 03/04 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 05/04 Hàng hóa - Cuộc họp OPEC-JMMC
- 06/04 Việt Nam - Dữ liệu kinh tế vĩ mô
Mỹ - Thời hạn đàm phán Iran
- 07/04 Việt Nam - FTSE rà soát giữa kỳ
- 09/04 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC
Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/04 Mỹ - Chỉ số CPI, Chỉ số Tâm lý Người tiêu dùng Michigan
- 14/04 Mỹ - Chỉ số PPI
- 16/04 Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
Trung Quốc – GDP Quý 1
- 28/04 Nhật Bản - BOJ họp và công bố lãi suất
- 29 - 30/04 Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
Châu Âu - ECB họp và công bố lãi suất
Canada - BOC họp và công bố lãi suất

Cán cân thương mại quý I đảo chiều: Cán cân hàng hóa quý I/2026 chuyển sang âm khoảng 3.6 tỷ USD khi nhập khẩu tăng nhanh hơn xuất khẩu. Trong đó, xuất khẩu đạt 122,9 tỷ USD, tăng 19.1%, còn nhập khẩu đạt gần 126.6 tỷ USD, tăng 27%. Nhập siêu vì thế phản ánh nhịp tăng mạnh của cầu đầu vào cho sản xuất nhiều hơn là một cú hụt hơi của hoạt động kinh tế. Diễn giải này càng rõ hơn khi cơ cấu nhập khẩu cho thấy dòng tiền đang chảy vào máy móc, thiết bị, linh kiện và nguyên liệu phục vụ các đơn hàng và kế hoạch sản xuất các quý sau.

Ông Trump muốn chốt thỏa thuận hòa bình với Iran, ít có khả năng gia hạn lệnh ngừng bắn: Tổng thống Mỹ Donald Trump cho biết khả năng gia hạn lệnh ngừng bắn hai tuần với Iran là rất thấp, qua đó gia tăng áp lực buộc các bên hướng tới thỏa thuận chấm dứt hoàn toàn chiến sự.

Mỹ mở cổng hoàn thuế, rào cản pháp lý vẫn hiện hữu: Các nhà nhập khẩu đã kỳ vọng về việc hệ thống sẽ vận hành trơn tru để hỗ trợ hoàn tiền, nhưng các công ty và giới phân tích Phố Wall đang giảm bớt kỳ vọng rằng doanh nghiệp sẽ nhận lại tiền nhanh chóng. Các luật sư thương mại cảnh báo về những rào cản quan liêu, rủi ro pháp lý, cũng như khả năng chính quyền Trump kháng cáo vào phút chót.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hoà Phát lãi đột biến hơn 9,000 tỷ quý I: Thông tin về kết quả kinh doanh quý I của tập đoàn, ông Trần Đình Long - Chủ tịch HĐQT cho biết doanh thu ba tháng đầu năm ước đạt 53,300 tỷ đồng, lãi sau thuế đột biến hơn 9,085 tỷ. So với cùng kỳ, doanh thu và lợi nhuận tăng lần lượt khoảng 40% và 171%. Ông Long chia sẻ thêm về con số lợi nhuận quý I có khoảng 5,200 tỷ đồng đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (sản xuất thép) và 3,800 tỷ đồng đến từ việc chuyển nhượng vốn dự án ở khu đô thị Phố Nối (Hưng Yên) cho đơn vị khác có nhiều kinh nghiệm hơn.

VND - VNDirect báo lãi quý I tăng 43%: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect công bố lợi nhuận quý I tăng 43% so với cùng kỳ, đạt khoảng 545 tỷ đồng sau thuế. Doanh thu hoạt động tăng 44% lên 1,807 tỷ đồng, trong đó doanh thu môi giới tăng 73% lên 233 tỷ đồng. Lãi từ tài sản tài chính (FVTPL) đạt 1,000 tỷ đồng, tăng 39%; lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 158 tỷ đồng, tăng 74%; cho vay và phải thu lên 404 tỷ đồng, tăng 34%. Chi phí hoạt động tăng 51% nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn tăng 42%, đạt 681 tỷ đồng.

PVD - Ước tính lợi nhuận quý I hơn 400 tỷ đồng, cả năm vượt mức nghìn tỷ: Theo chia sẻ tại ĐHCĐ, trong quý I/2026, doanh thu ước đạt 3,500 tỷ đồng, LNTT trên 400 tỷ đồng. Kết quả tăng trưởng so với cùng kỳ (lần lượt cao hơn khoảng 130% và 104%). Dự kiến cả năm sẽ cần điều chỉnh kế hoạch đi lên. Ban lãnh đạo tự tin với kế hoạch, và có khả năng vượt kết quả 2025. Năm nay là thời điểm tốt để PVD thực M&A giàn, khi một số đơn vị gặp khó khăn do xung đột địa chính trị.

NNC - Đá Núi Nhỏ lãi quý 1 tăng 144%, thực hiện hơn 40% mục tiêu: Khép lại quý 1, CTCP Đá Núi Nhỏ đạt doanh thu thuần hơn 120 tỷ đồng, tăng 72% so với cùng kỳ. Lãi trước thuế gần 50 tỷ đồng và lãi ròng gần 40 tỷ đồng, đều tăng 144%. Đá Núi Nhỏ cho biết kết quả kinh doanh ấn tượng nhờ sản lượng đá tiêu thụ và giá bán tăng. So với kế hoạch, NNC đã thực hiện được 33% mục tiêu doanh thu và 41% chỉ tiêu lãi trước thuế sau quý đầu năm.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	55,600	73,400	32.0%	Mua
CTG	34,850	45,200	29.7%	Mua
CTD	81,300	82,900	2.0%	Nắm giữ
DBD	50,200	68,000	35.5%	Mua
DDV	27,585	35,900	30.1%	Mua
DGW	45,500	48,500	6.6%	Nắm giữ
DPG	42,500	42,900	0.9%	Nắm giữ
DPR	40,750	46,500	14.1%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,941	17,200	32.9%	Mua
EVF	13,750	14,400	4.7%	Nắm giữ
FRT	151,000	157,600	4.4%	Nắm giữ
GMD	74,000	77,000	4.1%	Nắm giữ
HAH	53,400	60,300	12.9%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,950	34,000	21.6%	Mua
HHV	12,600	12,300	-2.4%	Giảm tỷ trọng
HPG	28,550	34,300	20.1%	Mua
IMP	55,100	55,000	-0.2%	Giảm tỷ trọng
KDH	25,700	38,800	51.0%	Mua
MCH	140,100	177,200	26.5%	Mua
MWG	85,600	99,600	16.4%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
NLG	28,150	39,900	41.7%	Mua
NT2	25,850	27,700	7.2%	Nắm giữ
PHR	62,000	72,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	111,900	113,300	1.3%	Nắm giữ
PVS	38,500	39,900	3.6%	Nắm giữ
PVT	22,100	18,900	-14.5%	Bán
POW	13,100	15,000	14.5%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,150	57,900	28.2%	Mua
SSI	28,300	32,100	13.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,000	50,900	-0.2%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,700	42,400	29.7%	Mua
TCM	23,700	37,900	59.9%	Mua
TRC	72,800	94,800	30.2%	Mua
VCB	59,600	84,200	41.3%	Mua
VPB	27,550	37,000	34.3%	Mua
VCG	22,000	26,200	19.1%	Tăng tỷ trọng
VHC	62,300	60,000	-3.7%	Giảm tỷ trọng
VNM	61,600	66,650	8.2%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415